

Số: 20 /2019/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi đối với huấn luyện viên vận động viên thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy định nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;

Sau khi thảo luận, xem xét Tờ trình số 279/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về nội dung, mức chi đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và các giải đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 278 /BC-BVHXXH ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ban Văn hóa -Xã hội HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và các giải đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XV, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020; thay thế Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về nội dung, mức chi đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao và các giải đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020. / *Nlu*

Nơi nhận:

- UBND Quốc Hội, Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Văn hóa Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực VII;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo, Đài PT- TH, Công báo, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT. TH. *W*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi đối với huấn luyện viên vận động viên thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nội dung, mức chi đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai, bao gồm:

a) Các giải thi đấu thể thao được tổ chức theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

b) Các đội tuyển được thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

c) Các lớp thể thao tập trung và năng khiếu thể thao bán tập trung tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh Lào Cai (hoặc cơ sở đào tạo vận động viên thể thao công lập của tỉnh Lào Cai).

2. Các mức chi khác đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao và các giải thi đấu thể thao không quy định trong Nghị quyết này thì được thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp kinh phí thực hiện do nguồn tài trợ. Các nội dung, mức chi trong trường hợp kinh phí được tài trợ thực hiện theo thỏa thuận giữa Ban tổ chức giải với Nhà tài trợ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Vận động viên, huấn luyện viên thể thao của các đội tuyển tham gia luyện tập, huấn luyện và thi đấu các giải thể thao trong thời gian tập trung theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

2. Vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao được tổ chức theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

3. Vận động viên, huấn luyện viên các lớp thể thao tập trung và lớp năng khiếu thể thao bán tập trung của Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh Lào Cai (hoặc cơ sở đào tạo vận động viên thể thao công lập của tỉnh Lào Cai);

4. Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn; trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu cấp tỉnh, cấp huyện;

5. Lực lượng công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan đến tổ chức giải thi đấu hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu cấp tỉnh, cấp huyện.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Nội dung chi

1. Đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao:

- a) Chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên tập trung tập luyện và thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
- b) Tiền thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng đối với vận động viên thể thao;
- c) Chi tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu;
- d) Tiền đi lại và thuê chỗ ở cho vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập luyện và thi đấu;
- đ) Chế độ bảo hiểm y tế; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm khi đi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

2. Đối với tổ chức các giải thi đấu thể thao

- a) Chi tiền ăn, bồi dưỡng làm nhiệm vụ cho thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài và giám sát điều hành, thư ký;
- b) Chi bồi dưỡng cho nhân viên y tế, phiên dịch, công an, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ và nhân viên phục vụ khác;
- c) Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu (nếu có);
- d) Chi đi lại, thuê phương tiện vận chuyển, phương tiện truyền thông, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải;
- đ) Chi tổ chức Lễ khai mạc, trang trí, tuyên truyền, bẻ mạc, họp Ban tổ chức, tập huấn trọng tài, họp báo, chi cho màn đồng diễn, diễu hành;
- e) Chi in vé, giấy mời, biên bản, báo cáo kết quả thi đấu;
- g) Chi tiền thưởng đối với vận động viên;
- h) Chi làm huy chương, cờ, cúp;
- i) Các khoản chi khác theo quy định có liên quan đến việc tổ chức giải.

Điều 4. Mức chi cụ thể

1. Mức chi đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao và các giải thi đấu thể thao:

- a) Mức chi đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao (Chi tiết tại phụ lục số 1)
- b) Mức chi đối với các giải thi đấu thể thao (Chi tiết tại phụ lục số 2)

2. Đối với các giải thi đấu giao hữu thể thao quốc tế, giao hữu thể thao với các tỉnh trong nước tùy theo quy mô của từng giải, chế độ hiện hành, đơn vị được giao

nhiệm vụ lập dự toán kinh phí gửi cơ quan chủ quản, cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định hiện hành.

3. Các khối, ngành, cơ quan, trường học, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai được vận dụng mức chi quy định tại khoản 1 Điều 4 quy định này để quy định mức chi cụ thể (phù hợp với khả năng kinh phí của cơ quan, đơn vị) khi tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, tham gia các giải thi đấu thể thao do cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

Điều 5. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí chi trả:

- a) Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp;
- b) Nguồn thu bán vé xem thi đấu; quảng cáo;
- c) Nguồn thu từ các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ;
- d) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Cơ quan chủ trì tổ chức giải thi đấu thể thao chịu trách nhiệm nguồn kinh phí đảm bảo cho công tác tổ chức giải, gồm: Chi phí chi sân bãi, thông tin, tuyên truyền, trọng tài, tiền thưởng, làm huy chương, cờ, cúp; Chi cho tổ chức màn đồng diễn, diễu hành; Chi cho lực lượng công an, bảo vệ, y tế; Chi hoạt động của Ban tổ chức (chi phí đi lại, thuê chỗ nghỉ, chi tiền ăn, tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ theo chế độ quy định) trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn thu huy động được.

3. Cơ quan cử vận động viên tham gia thi đấu chịu trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí cho việc đi lại, chế độ dinh dưỡng, tiền công, thuê chỗ nghỉ, bảo hiểm tai nạn, chăm sóc, khám, chữa bệnh, khắc phục tai nạn cho vận động viên, huấn luyện viên và các cán bộ trực thuộc đoàn thể thao./.

PHỤ LỤC SỐ 1
MỨC CHI ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN
*(Kèm theo Nghị quyết số 20 /2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

STT	Nội dung chi	Mức chi (đơn vị tính 1.000 đồng)	Ghi chú
1	Chế độ dinh dưỡng cho VĐV, HLV trong thời gian tập trung tập luyện và tập trung thi đấu:		Trong thời gian tập trung tập luyện, và thời gian thi đấu là những ngày có mặt thực tế tập trung tập luyện, tập trung thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, tối đa không quá 01 tháng (tính cả thứ bảy, chủ nhật)
a	Chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung tập luyện:		
	- Đội tuyển cấp tỉnh	220/người/ngày.	
	- Đội tuyển trẻ cấp tỉnh; đội tuyển phong trào cấp tỉnh; đội tuyển ngành cấp tỉnh; đội tuyển cấp huyện.	175/người/ngày	
	- Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh; đội tuyển trẻ cấp huyện	130/người/ngày	
	- Đội tuyển năng khiếu cấp huyện:	100/người/ngày	
b	Chế độ dinh dưỡng trong thời gian thi đấu tập trung:		
	- Đội tuyển cấp tỉnh	290/người/ngày	
	- Đội tuyển trẻ cấp tỉnh; đội tuyển phong trào cấp tỉnh; đội tuyển ngành cấp tỉnh; đội tuyển cấp huyện.	220/người/ngày	
	- Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh; Đội tuyển trẻ cấp huyện	220/người/ngày	
	- Đội tuyển năng khiếu cấp huyện:	180/người/ngày	
2	Hỗ trợ tập huấn, thi đấu theo ngày cho các vận động viên, huấn luyện viên thể thao là người Việt Nam trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu		
a	Huấn luyện viên:		
	- Đội tuyển cấp tỉnh	215/người/ngày	
	- Đội tuyển trẻ cấp tỉnh; đội tuyển phong trào cấp tỉnh; đội tuyển ngành cấp tỉnh	180/người/ngày	
	- Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh	180/người/ngày	
	- Đội tuyển cấp huyện	150/người/ngày	

b	Vận động viên:		
	- Đội tuyển cấp tỉnh	180/người/ngày	
	- Đội tuyển trẻ cấp tỉnh	75/người/ngày	
	- Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh	55/người/ngày	
	- Đội tuyển phong trào cấp tỉnh	45/người/ngày	
	- Đội tuyển cấp huyện	45/người/ngày	
c	<p>Đối với Huấn luyện viên, vận động viên thể thao hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu được hưởng nguyên tiền lương hiện hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên chi trả. Trường hợp mức lương bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng thấp hơn so với mức hỗ trợ quy định tại mục này thì cơ quan đơn vị sử dụng huấn luyện viên, vận động viên chịu trách nhiệm chi trả một phần chênh lệch để đảm bảo bằng các mức quy định tại mục này.</p> <p>Mức tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tập huấn, thi đấu chia cho 26 ngày.</p>		
3	Tiền đi lại và thuê chỗ ở cho vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập luyện và thi đấu:	Thực hiện chế độ công tác phí ban hành kèm theo Nghị quyết 07/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh Lào Cai	
4	Về chế độ thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng đối với vận động viên thể thao trong thời gian tập luyện và thi đấu	Căn cứ vào tình hình thực tế, tính đặc thù của từng môn thi đấu và khả năng ngân sách của địa phương, xây dựng dự toán chi hàng năm trình UBND tỉnh quyết định	
5	Chế độ bảo hiểm y tế; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm khi đi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu	Thực hiện theo quy định tại Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ	

PHỤ LỤC SỐ 2**MỨC CHI ĐỐI VỚI CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO**

(Kèm theo Nghị quyết số 20 /2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung chi	Mức chi (đơn vị tính 1.000 đồng)	Ghi chú
1	Tiền ăn, tiền tàu, xe đi về, thuê chỗ ở đối với trường hợp địa điểm tổ chức thi đấu cách cơ quan từ 10 km trở lên:		Tiền ăn cho các đối tượng: Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn; trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu (gồm cả thời gian tối đa 2 ngày trước thi đấu để làm công tác chuẩn bị, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu). Đối với các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được đảm bảo chế độ chi tiền ăn trong thời gian tổ chức giải thi đấu thể thao sẽ không được thanh toán phụ cấp tiền lưu trú công tác phí theo quy định tại chế độ công tác phí .
	a Tiền ăn:		
	- Đối với các giải vô địch cấp tỉnh; giải trẻ cấp tỉnh; giải phong trào cấp tỉnh	150/người/ngày	
	- Giải thể thao cấp huyện	120/người/ngày	
b	Chi tiền tàu, xe đi về, thuê chỗ ở	Thực hiện theo chế độ công tác phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh Lào Cai	
2	Chế độ bồi dưỡng cho các thành viên làm nhiệm vụ tại các giải thi đấu (tính theo ngày làm việc thực tế hoặc buổi thi đấu). Riêng đối với các môn Bóng đá 11 người, Bóng chuyền, Bóng ném, Bóng rổ tính theo trận đấu		Đối với các đối tượng mà tiền bồi dưỡng không tính được theo ngày làm việc, mà tính theo buổi thi đấu, hoặc trận đấu, thì mức thanh toán tiền bồi dưỡng được tính theo thực tế, nhưng tối đa không được vượt quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ ngày. Trường hợp một người được phân công nhiều nhiệm vụ khác nhau trong quá trình điều hành tổ chức giải được hưởng một mức bồi dưỡng cao nhất.
a	Đối với các giải vô địch cấp tỉnh; giải trẻ cấp tỉnh; giải phong trào cấp tỉnh:		
	- Các thành viên Ban chỉ đạo; Ban tổ chức; Trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn	40/người/buổi	
	- Thành viên các tiểu ban chuyên môn	30/người/buổi	
	- Giám sát, trọng tài chính	60/người/buổi hoặc trận đấu	

	- Thư ký, trọng tài khác	50/người/buổi hoặc trận đấu	
	- Công an, Y tế, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ	45/người/buổi	
b	Giải thể thao cấp huyện:		
	- Các thành viên Ban chỉ đạo; Ban tổ chức; Trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn	30/người/buổi	
	- Thành viên các tiểu ban chuyên môn	25/người/buổi	
	- Giám sát, trọng tài chính	40/người/buổi hoặc trận đấu	
	- Thư ký, trọng tài khác	30/người/buổi hoặc trận đấu	
	- Công an, Y tế, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ	25/người/buổi	
3	Mức chi tiền thưởng:		
3.1	Đối với những môn thi đấu cá nhân:		
a	Giải vô địch cấp tỉnh:		
	Giải nhất (Huy chương vàng)	2.000	
	Giải nhì (Huy chương bạc)	1.000	
	Giải ba (Huy chương đồng)	700	
	Giải khuyến khích	500	
b	Giải trẻ cấp tỉnh; giải phong trào toàn tỉnh; các giải thi đấu thể thao cấp huyện:		
	Giải nhất (Huy chương vàng)	1.000	
	Giải nhì (Huy chương bạc)	700	
	Giải ba (Huy chương đồng)	500	
	Giải khuyến khích	300	
3.2	Đối với các giải toàn đoàn:		
a	Giải vô địch cấp tỉnh;		
	Giải nhất (Huy chương vàng)	5.000	
	Giải nhì (Huy chương bạc)	3.000	
	Giải ba (Huy chương đồng)	2.000	
	Giải khuyến khích	1.000	
b	Giải trẻ cấp tỉnh; giải phong trào toàn tỉnh; các giải thi đấu thể thao cấp huyện:		
	Giải nhất (Huy chương vàng)	2.000	
	Giải nhì (Huy chương bạc)	1.500	
	Giải ba (Huy chương đồng)	1.000	
	Giải khuyến khích	800	

3.3	Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đôi và đồng đội	Bảng số lượng vận động viên lập thành tích theo quy định của Điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng quy định tương ứng như sau:	
a	Giải vô địch cấp tỉnh:		
	Giải nhất (Huy chương vàng)	2.000	
	Giải nhì (Huy chương bạc)	1.000	
	Giải ba (Huy chương đồng)	700	
	Giải khuyến khích	500	
b	Giải trẻ cấp tỉnh; giải phong trào toàn tỉnh; các giải thi đấu thể thao cấp huyện:		
	Giải nhất (Huy chương vàng)	1.000	
	Giải nhì (Huy chương bạc)	700	
	Giải ba (Huy chương đồng)	500	
	Giải khuyến khích	300	
3.4	Đối với những môn thể thao tập thể	Bảng số lượng VĐV lập thành tích theo quy định của Điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng như sau:	
a	Giải vô địch cấp tỉnh:		
	Giải nhất (Huy chương vàng)	2.000	
	Giải nhì (Huy chương bạc)	1.000	
	Giải ba (Huy chương đồng)	700	
	Giải khuyến khích	500	
b	Giải trẻ cấp tỉnh; giải phong trào toàn tỉnh; các giải thi đấu thể thao cấp huyện:		
	Giải nhất (Huy chương vàng)	1.000	
	Giải nhì (Huy chương bạc)	700	
	Giải ba (Huy chương đồng)	500	
	Giải khuyến khích	300	
4	Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với các Đại hội Thể dục Thể thao các cấp, Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh		
4.1	Chi bồi dưỡng cho đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ		
a	Cấp tỉnh:		
	- Người tập:		
	+ Tập luyện	30/người/buổi	

	+ Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	40/người/buổi	
	+ Chính thức	70/người/buổi	
	- Giáo viên quản lý, hướng dẫn	60/người/buổi.	
b	Cấp huyện:		
	- Người tập:		
	+ Tập luyện	20/người/buổi	
	+ Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	25/người/buổi	
	+ Chính thức	50/người/buổi	
	- Giáo viên quản lý, hướng dẫn	50/người/buổi.	
4.2	Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa Ban tổ chức với các tổ chức hoặc cá nhân)	Mức chi theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về việc quy định nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.	
5	Các khoản chi cho in ấn, huy chương, cờ, cúp, trang phục, đạo cụ ..., phục vụ khai mạc, bế mạc (tùy theo quy mô, tính chất của giải)	Mức chi phù hợp với nguồn thu và nguồn kinh phí được ngân sách cấp. Đồng thời, căn cứ theo chế độ hiện hành, hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.	